

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 30/2018/QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày 23. tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế sử dụng nguồn vốn huy động hợp pháp từ cộng đồng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn số 34/2007/PL-UBTVQH11 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 24/1999/NĐ-CP ngày 16/4/1999 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức huy động, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân để xây dựng cơ sở hạ tầng của các xã, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 85/1999/TT-BTC ngày 07/7/1999 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế tổ chức huy động, quản lý và xử lý các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân để xây dựng cơ sở hạ tầng của các xã, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 19/2005/TT-BTC ngày 11/3/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc công khai tài chính đối với các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24/02/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài Chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về thanh quyết toán nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số: 3035/KHĐT-KT ngày 05 tháng 10 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế sử dụng nguồn vốn huy động hợp pháp từ cộng đồng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04.tháng 12 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các Bộ: NN&PTNT, KH&ĐT, TC, LĐTBXH;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Điều phối NTM TW;
- TT. TU, TT HĐND; Đoàn ĐBQH tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Báo Quảng Bình, Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, VX, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đã ký

Nguyễn Xuân Quang

QUY CHẾ

Sử dụng nguồn vốn huy động hợp pháp từ cộng đồng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 30./2018/QĐ-UBND ngày 23.../11./2018 của UBND tỉnh Quảng Bình)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định cơ chế về quản lý sử dụng nguồn vốn huy động hợp pháp từ cộng đồng (bao gồm các khoản ủng hộ, đóng góp bằng tiền, hiện vật, ngày công lao động của các tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước) để xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn hoặc thực hiện các nhiệm vụ theo nội dung của các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (sau đây gọi tắt là Chương trình MTQG).

2. Quy chế này không áp dụng đối với các khoản viện trợ, tài trợ của các Chính phủ, Tổ chức phi chính phủ nước ngoài được quản lý theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc sử dụng các nguồn vốn huy động hợp pháp từ cộng đồng thực hiện các Chương trình MTQG được quy định tại khoản 1, Điều 1 Quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc huy động vốn

1. Phương thức huy động, mức huy động do nhân dân nơi có dự án bàn bạc và quyết định theo nguyên tắc tự nguyện, quyết định theo đa số phù hợp với khả năng của cộng đồng và người dân hưởng lợi, được HĐND cấp xã thông qua. Tuyệt đối không được yêu cầu nhân dân đóng góp bắt buộc, quá sức dân.

2. Không huy động đóng góp bằng tiền đối với hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật không nơi nương tựa, hộ khó khăn, gia đình chính sách, đối tượng hưởng trợ cấp xã hội, trừ trường hợp tự nguyện đóng góp. Cộng đồng tự thỏa thuận về chế độ miễn, giảm đóng góp đối với các trường hợp khó khăn khác.

Hộ nghèo tham gia trực tiếp lao động được xem xét, trả thù lao theo mức phù hợp với mức tiền lương chung của thị trường lao động tại địa phương (mức cụ thể do UBND cấp xã xem xét, quyết định sau khi Thường trực HĐND cấp xã thông qua), trừ trường hợp hộ nghèo tự nguyện đóng góp bằng sức lao động.

3. Vốn huy động để thực hiện các công trình, nhiệm vụ phải được sử dụng đúng mục đích. Huy động cho công trình, nhiệm vụ nào phải bố trí trực tiếp cho công trình, nhiệm vụ đó.

Trường hợp chuyên đổi công trình, nhiệm vụ (hoặc chênh lệch thu lớn hơn chi) phải lấy lại ý kiến của cộng đồng dân cư để bố trí cho công trình, nhiệm vụ khác.

4. Các nguồn vốn huy động bằng hiện vật và ngày công lao động hoặc công trình hoàn thành, căn cứ đơn giá hiện vật và giá trị ngày công lao động để hạch toán vào giá trị công trình, dự án để theo dõi, quản lý, không hạch toán vào thu, chi ngân sách nhà nước.

5. Đảm bảo công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình về quản lý, sử dụng các nguồn vốn huy động hợp pháp từ cộng đồng; phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, thực hiện dân chủ cơ sở trong quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát cộng đồng, đánh giá.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

VỀ TỔ CHỨC HUY ĐỘNG VÀ THỰC HIỆN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG

Điều 4. Tổ chức huy động vốn

1. Tổ chức huy động vốn góp từ người dân trên địa bàn hưởng lợi:

Hàng năm, UBND cấp xã chủ trì phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân và các tổ chức đoàn thể quần chúng khác triển khai huy động vốn góp của dân theo quy trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã, mức đóng góp được xây dựng theo Điều 6 Quy chế này và phương thức nhân dân bàn và quyết định trực tiếp được quy định tại Điều 7, Nghị định số 24/1999/NĐ-CP ngày 16/4/1999 của Chính phủ. Trong quá trình huy động đóng góp khuyến khích những tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có khả năng tài trợ, đóng góp, ủng hộ tự nguyện nhiều hơn mức quy định.

2. Tổ chức huy động vốn góp từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân:

Thông qua phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức hội nghị hoặc thư mời: UBND cấp xã thực hiện tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư vào các công trình có khả năng thu hồi vốn hoặc tài trợ, ủng hộ vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, thực hiện các nhiệm vụ thuộc nội dung của Chương trình MTQG trên địa bàn.

3. Thống nhất nội dung huy động vốn, thông qua HĐND cấp xã và thực hiện công bố công khai:

Trên cơ sở ý kiến thống nhất của nhân dân tại các cuộc họp về mức đóng góp và kết quả huy động vốn từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, UBND cấp xã thực hiện tổng hợp số vốn huy động theo danh mục công trình trong kế hoạch đầu tư cấp xã. Việc công bố công khai, lấy ý kiến đóng góp cộng đồng và xin ý kiến của HĐND cấp xã theo quy trình lập Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG trên địa bàn xã do UBND tỉnh ban hành.

Điều 5. Các hình thức huy động

1. Huy động vốn đầu tư trực tiếp:

Căn cứ vào tình hình thực tế triển khai và đặc điểm của từng địa phương có thể huy động đóng góp theo các hình thức sau:

a) Vốn góp bằng tiền.

b) Vốn góp bằng hiện vật.

c) Vốn góp bằng ngày công lao động.

d) Vốn góp bằng chi phí máy thi công.

2. Huy động chi phí giải phóng mặt bằng (GPMB) xây dựng công trình:

Trường hợp xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng có phát sinh việc GPMB thì UBND cấp xã:

a) Thông báo cho từng hộ dân phần diện tích đất và tài sản trên đất, cây cối hoa màu gắn với diện tích đất bị giải tỏa để thống nhất tính toán chi phí bồi thường GPMB.

b) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể quần chúng vận động các hộ dân tự nguyện hiến đất và không yêu cầu bồi thường tài sản, cây cối hoa màu trên đất để coi như khoản tự nguyện ủng hộ việc thi công công trình vì lợi ích chung, đưa vào tổng dự toán công trình để xác định giá trị huy động.

c) Trong trường hợp không vận động được, UBND xã cần phải đưa chi phí bồi thường GPMB vào tổng nhu cầu vốn cần huy động để phân bổ cho tất cả các đối tượng đóng góp.

d) Đối với những công trình có thể có nguồn thu khi đưa vào sử dụng, UBND cấp xã xây dựng phương án sử dụng nguồn thu để bồi thường, đền bù cho những người bị thiệt hại trên cơ sở có sự thỏa thuận, nhất trí của những người được đền bù.

Điều 6. Xây dựng mức đóng góp của người dân trên địa bàn hưởng lợi

1. Căn cứ xác định nhu cầu vốn cần huy động đóng góp:

a) Mức thu nhập bình quân và khả năng đóng góp của nhân dân trên địa bàn.

b) Nhu cầu còn lại sau khi lấy Tổng nhu cầu vốn cho đầu tư xây dựng công trình trừ đi các nguồn sau: Ngân sách nhà nước; Tài trợ, ủng hộ trực tiếp của các tổ chức cá nhân trong nước và nước ngoài cho đầu tư xây dựng công trình; Các nguồn vốn khác đã được xác định.

2. Việc tính toán mức đóng góp cho từng đối tượng (hộ) căn cứ vào các tiêu thức do nhân dân bàn và quyết định trực tiếp, gồm các tiêu thức sau:

a) Số nhân khẩu.

b) Diện tích đất canh tác.

c) Các tiêu thức khác. Hướng dẫn chọn tiêu thức khác đối với một số loại công trình phổ biến: Công trình giao thông: Các hộ trực tiếp được hưởng lợi nhiều (về vị trí) từ công trình được đầu tư thì mức huy động đóng góp cao hơn các hộ còn lại; Công trình thủy lợi: Mức đóng góp của hộ gia đình được hưởng lợi xây dựng theo tỷ lệ diện tích đất canh tác (nếu 02 vụ thì diện tích nhân (x) 2).

3. UBND cấp xã có trách nhiệm tính toán mức miễn, giảm với từng đối tượng được xét miễn, giảm theo quy định, chỉ đạo hiện hành và các trường hợp khó khăn khác; xác định nhu cầu vốn cần huy động trong từng giai đoạn phù hợp với tiến độ thực hiện công trình dự kiến để nhân dân bàn và quyết định.

Điều 7. Tổ chức thực hiện quản lý và sử dụng vốn huy động

1. Tiếp nhận vốn huy động:

Căn cứ vào chủ trương, phương thức và mức huy động do nhân dân bàn bạc thống nhất và được UBND cấp xã phê duyệt, Chủ tịch UBND cấp xã chỉ đạo Bộ phận tài chính, kế toán xã chủ trì phối hợp với Ban Quản lý các Chương trình MTQG cấp xã (sau đây gọi tắt là BQL xã)

và các Trưởng thôn, bản nơi có công trình tổ chức tiếp nhận vốn đóng góp. Các khoản đóng góp sau khi tiếp nhận được tổng hợp, quy đổi thành tiền theo giá trị quy đổi được thống nhất giữa BQL xã, Trưởng thôn, đối tượng thực hiện đóng góp và giao lại cho BQL xã quản lý, sử dụng để đầu tư xây dựng công trình. Tùy từng hình thức đóng góp, cách thức tiếp nhận cụ thể như sau:

a) Đối với khoản đóng góp bằng tiền mặt: Bộ phận tài chính, kế toán xã thu tiền hoặc ủy quyền cho Trưởng thôn, bản để tiếp nhận, quản lý các khoản đóng góp (*Mẫu 01- Bảng kê đóng góp tiền mặt tại Phụ lục kèm theo Quyết định này*) theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 3 Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24/02/2012 của Bộ Tài chính (đối với đóng góp trực tiếp cho xã) hoặc Điều 17 Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài Chính (đối với đóng góp do thôn, bản trực tiếp huy động).

b) Đối với khoản đóng góp bằng hiện vật Bộ phận tài chính, kế toán xã phối hợp với BQL xã kiểm tra, nghiệm thu chất lượng vật liệu, xác định giá trị hiện vật theo đơn giá hiện hành của tỉnh công bố và quy đổi thành tiền (*Mẫu 02 - Bảng kê đóng góp hiện vật tại Phụ lục kèm theo Quyết định này*), công thức quy đổi:

$$\text{Giá trị đóng góp (thành tiền)} = \sum \text{Khối lượng (i)} * \text{đơn giá quy đổi (i)}$$

$$(\text{Đơn giá quy đổi} = \text{Giá thông báo được tỉnh công bố} + \text{chi phí vận chuyển}).$$

c) Đối với trường hợp đóng góp bằng ngày công lao động: Khi khối lượng xây lắp do nhân dân thực hiện được nghiệm thu theo quy định, căn cứ vào số ngày công đóng góp thực tế của từng hộ theo Bảng chấm công (*Mẫu 03 tại Phụ lục kèm theo Quy định này*), Bộ phận tài chính, kế toán xã phối hợp với BQL xã tổng hợp số ngày công đóng góp của nhân dân và thực hiện quy đổi thành tiền, theo công thức:

$$\text{Giá trị đóng góp} = \text{Tổng số ngày công} * \text{đơn giá nhân công vùng được công bố tại nơi xây dựng công trình/ngày}$$

(*Đơn giá nhân công/ngày = Giá nhân công lao động phổ thông trung bình trên thị trường trong khu vực và không vượt quá đơn giá nhân công bậc 1/7 nhóm I của đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn do UBND tỉnh công bố*)

d) Đối với trường hợp đóng góp bằng chi phí máy xây dựng : Khi khối lượng xây lắp do nhân dân thực hiện được nghiệm thu theo quy định, căn cứ vào số ca máy đóng góp thực tế, Bộ phận tài chính, kế toán xã phối hợp với BQL xã tổng hợp số ca máy đóng góp của nhân dân thực hiện quy đổi thành tiền theo công thức:

$$\text{Giá trị đóng góp} = \sum \text{Số ca máy của từng loại máy (i)} * \text{đơn giá ca máy được tỉnh công bố (i)}$$

$$(\text{Đơn giá ca máy} = \text{Đơn giá ca máy trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn do UBND tỉnh công bố}).$$

e) Đối với việc đóng góp bằng quyền sử dụng đất: UBND cấp xã chỉ đạo BQL xã, công chức địa chính xã hướng dẫn nhân dân thực hiện thủ tục hiến đất theo phương án huy động đã thống nhất và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo văn bản hướng dẫn của địa phương hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường; Bộ phận tài chính, kế toán xã phối hợp với BQL xã căn cứ quy định hiện hành của UBND tỉnh về giá đất, giá bồi thường cây cối, hoa màu trên đất để tính ra giá trị đóng góp của dân và công khai cho nhân dân nơi có dự án biết để thống nhất đưa vào giá trị công trình.

Giá trị đóng góp = \sum Diện tích đất đóng góp của từng hộ (i) * đơn giá được cấp có thẩm quyền công bố (i)

(là đơn giá bồi thường đất đai, (cây cối, hoa màu trên đất nếu có) được áp dụng tại thời điểm hiến đất).

f) Trường hợp tổ chức, cá nhân tặng 100% giá trị công trình: UBND cấp xã được phép tiếp nhận công trình theo thẩm quyền quản lý do tổ chức, cá nhân xây tặng. Quy trình nhận tặng: Tổ chức, cá nhân có văn bản xin ý kiến UBND cấp xã (trong đó nêu rõ các nội dung: Tên công trình, quy mô đầu tư, thiết kế kỹ thuật, hình thức thi công, các điều kiện để triển khai thi công, tổng kinh phí, nguồn kinh phí). UBND cấp xã giao Tổ thẩm định xã kiểm tra đề xuất của tổ chức, cá nhân và hướng dẫn tổ chức, cá nhân trình cấp có thẩm quyền thẩm định thiết kế, cấp phép xây dựng và nghiệm thu đưa công trình đúng theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường và pháp luật liên quan. UBND cấp xã có trách nhiệm giám sát tổ chức, cá nhân xây dựng công trình theo thiết kế kỹ thuật đã được chấp thuận; tiếp nhận công trình để quản lý hoặc giao đơn vị quản lý theo quy định.

g) Trường hợp nhân dân trong phạm vi cấp thôn hoặc một cộng đồng dân cư (theo tôn giáo, dòng họ) của xã tự nguyện đứng ra tổ chức huy động, tự quản lý việc đầu tư xây dựng công trình phục vụ trực tiếp cho lợi ích của cộng đồng dân cư đó: UBND cấp xã và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, thôn có trách nhiệm hướng dẫn việc lập dự toán công trình, thanh quyết toán công trình, thực hiện công khai tài chính; giám sát đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường và pháp luật liên quan; lập báo cáo lên cấp trên để ghi nhận và tổng hợp việc nhân dân đã đóng góp để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn.

2. Quản lý và sử dụng vốn huy động:

a) Việc quản lý và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân và các nguồn huy động khác thực hiện theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài Chính và các quy định hiện hành. Bộ phận tài chính, kế toán xã phải mở sổ kế toán để phản ánh và hạch toán quá trình thu, chi hoặc xuất sử dụng các khoản đóng góp, tính toán chính xác số chênh lệch thu - chi (nếu có).

b) Khoản thu từ nguồn huy động phải được theo dõi, tổng hợp theo danh sách của từng đối tượng đóng góp; khoản chi cho đầu tư xây dựng các công trình phải được sử dụng đúng mục đích và có sự giám sát của người dân, nhà tài trợ (nếu có).

Chương III

TỔ CHỨC QUYẾT TOÁN VÀ CÔNG KHAI CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP

Điều 8. Quyết toán nguồn vốn huy động

1. Đối với công trình độc lập không sử dụng vốn nhà nước:

Sau khi toàn bộ dự án hoàn thành, chủ đầu tư có trách nhiệm tổng hợp giá trị công trình vào tổng quyết toán toàn bộ dự án.

2. Đối với dự án sử dụng vốn nhà nước và vốn huy động khác:

a) Sau khi toàn bộ dự án hoàn thành, Bộ phận tài chính, kế toán xã có trách nhiệm lập Bảng quyết toán vốn huy động tùy theo hình thức đóng góp hạch toán vào giá trị công trình và trình UBND cấp xã xem xét quyết định. Nguồn vốn huy động sử dụng đầu tư xây dựng công trình được

tổng hợp giá trị và quyết toán theo nội dung tương ứng tại các Mục 2, 3, 5, Biểu mẫu: 01/QTDA ban hành kèm theo Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính; Mẫu CKQ 05 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2005/TT-BTC ngày 11/3/2005 của Bộ Tài chính.

b) Trường hợp các hạng mục, gói thầu công trình sử dụng vốn huy động độc lập với các hạng mục, gói thầu công trình sử dụng vốn nhà nước: Chủ đầu tư có trách nhiệm tổng hợp Bảng quyết toán vốn huy động vào Tổng quyết toán toàn bộ dự án (sau khi đã trình cơ quan có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán phần vốn ngân sách nhà nước theo quy định tại Khoản 1, 2, 3, Điều 13 Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính).

c) Trường hợp các hạng mục, gói thầu công trình sử dụng chung vốn huy động và vốn nhà nước: Chủ đầu tư có trách nhiệm tổng hợp Bảng quyết toán vốn huy động vào Báo cáo quyết toán trình cơ quan có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán toàn bộ dự án theo quy định tại Khoản 1, 2, 3, Điều 13 Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

3. Xử lý chênh lệch thu, chi sau khi thanh quyết toán công trình:

a) Nếu chênh lệch thu lớn hơn chi hoặc với các khoản hiện vật đóng góp chưa được sử dụng hết, nhân dân trong thôn, xã tổ chức họp bàn và quyết định sử dụng để đầu tư xây dựng công trình trong thôn, xã, hoặc sử dụng cho các nhiệm vụ cần thiết khác của cộng đồng.

b) Nếu chênh lệch thu nhỏ hơn chi, thì phải tổ chức cho nhân dân bàn và quyết định các phương án bổ sung phần chênh lệch thiếu theo hướng: Huy động các nguồn kinh phí khác: ngân sách Nhà nước các cấp, hỗ trợ của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; Huy động đóng góp bổ sung của nhân dân.

Điều 9. Công khai tài chính nguồn vốn huy động

UBND cấp xã có trách nhiệm tổ chức công khai tài chính nguồn vốn huy động theo quy định tại Điều 16 Luật Phòng, chống tham nhũng số 55/2005/QH11, Khoản 3 Mục II Thông tư số 19/2005/TT-BTC ngày 11/3/2005 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành.

Chương IV

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, GIÁM SÁT

Điều 10. Chế độ báo cáo

Số liệu huy động vốn được báo cáo chung với toàn bộ các nội dung của các Chương trình MTQG theo quy định về thời hạn, mẫu biểu và nội dung báo cáo quy định tại Thông tư số 07/2017/TT-BKHĐT ngày 14/12/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định và hướng dẫn một số nội dung tại Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình MTQG ban hành kèm theo Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 05/2017/TT-BNNPTNT ngày 01/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Thông tư số 39/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

Điều 11. Kiểm tra, giám sát

1. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có trách nhiệm giám sát quá trình quản lý, sử dụng vốn huy động khác, đồng thời kiểm tra việc công khai tài chính vốn huy động theo quy định.

Phát hiện và thông báo kịp thời cho cấp có thẩm quyền để xử lý đối với những vi phạm trong quá trình tổ chức, huy động, quản lý các khoản đóng góp để xây dựng công trình và quá trình thi công, số lượng, chất lượng công trình.

2. UBND cấp xã thường xuyên rà soát kiểm tra tình hình triển khai huy động vốn đầu tư thực hiện các dự án, chấn chỉnh kịp thời những sai sót; đối với những dự án không huy động đủ số vốn dự kiến, báo cáo cấp trên để xử lý.

3. UBND cấp huyện thường xuyên kiểm tra các hoạt động của cấp xã để chủ động trong việc xây dựng kế hoạch đầu tư và chỉ đạo thực hiện huy động vốn theo đúng các quy định hiện hành. Đối với những vấn đề vượt thẩm quyền, báo cáo UBND tỉnh để xử lý kịp thời.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Tổ chức thực hiện

Việc quản lý, sử dụng nguồn vốn huy động hợp pháp từ cộng đồng thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh thực hiện theo Quy chế này và các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới), Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (đối với Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững) chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai, tuyên truyền, hướng dẫn các địa phương thực hiện huy động vốn thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn, giải quyết vướng mắc đối với việc thanh toán, quyết toán dự án có sử dụng nguồn vốn huy động.

3. UBND cấp huyện có trách nhiệm triển khai đến các xã, phường, thị trấn thực hiện Quy định này và thường xuyên kiểm tra việc triển khai thực hiện của các xã, phường, thị trấn trên địa bàn.

4. UBND cấp xã có trách nhiệm tổ chức huy động, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp theo đúng Quy định này.

5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức xã hội cấp xã và các Trưởng thôn, bản có trách nhiệm tuyên truyền vận động nhân dân tích cực tham gia đóng góp thực hiện Chương trình MTQG tại địa phương.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, phối hợp Sở Tài chính và các đơn vị liên quan báo cáo UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Quang

PHỤ LỤC:
MỘT SỐ MẪU BIỂU GỢI Ý SỬ DỤNG TRONG TIẾP NHẬN VỐN HUY ĐỘNG
(Ban hành kèm theo Quy chế tại
Quyết định số 30/2018/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh)

Mẫu 01:
BẢNG KÊ ĐÓNG GÓP (TIỀN MẶT)

Thôn/Xóm (cộng đồng hưởng lợi): Xã:
Huyện/Thành phố: Tỉnh:

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số tiền	Ký xác nhận
Tổng cộng				

Tổng số tiền bằng chữ:
....., ngày tháng, năm.....

Người lập

Trưởng thôn/Trưởng BQL xã

Mẫu 02:
BẢNG KÊ ĐÓNG GÓP HIỆN VẬT

Thôn/Xóm (cộng đồng hưởng lợi):.....Xã:Huyện/Thành phố:

Đơn vị tính: đồng

Họ và tên	Địa chỉ	Loại vật liệu	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ký xác nhận
Tổng cộng							

Tổng số tiền bằng chữ:
....., ngàytháng, năm.....

Người lập

Trưởng thôn/TrưởngBQL xã

Mẫu 03:
BẢNG CHẤM CÔNG

Thôn/Xóm (cộng đồng hưởng lợi):.....Xã/Phường.....
Huyện/Thành phố:.....Tỉnh:

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Từ ngày / / 20 đến ngày / /20								Cộng	Ký xác nhận
Tổng cộng												

Thành tiền (Tổng số công x Đơn giá):.....công xđồng = đồng.
Số tiền bằng chữ:

Người lập

Trưởng thôn/TrưởngBQL xã

